SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 29/07/2025; 10:51:34; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 172/QĐ-SNNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 28 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách (bổ sung) năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung kinh phí chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách bổ sung năm 2025 để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang *(theo mẫu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiện thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực XX;
- Lưu VT, vyngoc.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Trần Công Danh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
Chương 412
Loại – khoản:

CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 172/QĐ-SNNMT ngày 28/7/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Số được phân bổ
A	*B*		*1*
A	**Dự toán chi NSNN**	**24.068.722.024**	**24.068.722.024**
1	**Chi quản lý hành chính**	**9.940.320.041**	**9.940.320.041**
	Kinh phí ngân sách nhà nước cấp không giao tự chủ (Mã nguồn 23)	**9.940.320.041**	**9.940.320.041**
1.1	**Chi cục Kiểm lâm:**- Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (Loại 340-341)	9.734.030.321	9.734.030.321
1.2	**Chi cục CN và Thú y:** Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (Loại 340-341)	206.289.720	206.289.720
2	**Chi sự nghiệp kinh tế**		
	Kinh phí NSNN cấp không giao tự chủ (Mã nguồn 23)	**14.128.401.983**	**14.128.401.983**
2.1	**Chi cục TT và Bảo vệ thực vật:** Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (Loại khoản 280-281)	1.756.405.966	1.756.405.966
2.2	**Chi cục CN và Thú y:** Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (Loại 280-281)	3.334.841.488	3.334.841.488

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Số được phân bổ
2.3	**Trung tâm Khuyến nông:** Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (Loại 280-281)	8.241.709.788	8.241.709.788
2.4	**Ban Quản lý rừng An Giang – Khu vực I:** Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (Loại 280-282)	795.444.741	795.444.741
